

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ QUỚI ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo lần 2)

Quới Điền, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ TƯ
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 332/NQ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về số lượng cấp phó của phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/07/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc quyết định biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Vĩnh Long năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4851/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4852/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân

sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã năm 2026;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền về việc thông qua Nghị quyết Phân bổ chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội của Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã Quới Điền tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ 290 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2026 cho các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền, cụ thể:

1. Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Quới Điền là 39 biên chế.

(Phụ lục I kèm theo).

2. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền là 251 biên chế.

(Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Phân bổ 33 chỉ tiêu hợp đồng lao động do Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2026 cho các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền, cụ thể:

1. Số lượng hợp đồng theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 29 hợp đồng.

(Phụ lục III kèm theo).

2. Số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Quới Điền theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ là 04 hợp đồng.

(Phụ lục IV kèm theo).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Số lượng biên chế và hợp đồng lao động tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết này được thực hiện kể từ ngày Nghị quyết được thông qua. Trường hợp số lượng nhân sự hiện có tại các cơ quan, đơn vị lớn hơn chỉ tiêu biên chế được giao tại Điều 1 Nghị quyết này thì được tiếp tục duy trì đến cuối năm 2026, Ủy ban nhân

dân xã Quới Điền có trách nhiệm lập kế hoạch, triển khai lộ trình giải quyết số lượng dôi dư theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Ủy ban nhân dân xã Quới Điền có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quới Điền phối hợp Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Quới Điền giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân xã thông qua.

b) Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ năm 2025 của xã Quới Điền;

- Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về quyết định điều chỉnh, bổ sung số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 và Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về điều chỉnh biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền;

- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về việc điều chỉnh số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ tại Điều 2 Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Quới Điền khóa XIII, kỳ họp thứ tư (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư Pháp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đại biểu HĐND xã;
- UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban Đảng, Văn phòng ĐU xã;
- Kho bạc Nhà nước khu vực;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Huỳnh Thị Cẩm**

Phụ lục I
PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức giao năm 2025	Biên chế cán bộ, công chức hiện có mặt	Biên chế cán bộ, công chức giao năm 2026
I	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ	03	03	03
1	Lãnh đạo Hội đồng nhân dân xã	1	1	1
2	Ban Kinh tế - Ngân sách	1	1	1
3	Ban Văn hóa - Xã hội	1	1	1
II	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ	50	43	36
1	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân	3	3	3
2	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	12	11	9
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	14	11	9
4	Phòng Kinh tế	13	9	9
5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	8	9	6
	TỔNG CỘNG (I + II)	53	46	39

Phụ lục II

**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN
SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN giao năm 2025	Số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN hiện có mặt	Số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN giao năm 2026
I	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	237	225	225
1	Trường Mầm non Quới Điền	23	23	23
2	Trường Mẫu giáo Hòa Lợi	14	12	12
3	Trường Mầm non Mỹ Hưng	18	17	17
4	Trường Tiểu học Quới Điền	33	31	31
5	Trường Tiểu học Hòa Lợi	30	30	30
6	Trường Tiểu học Mỹ Hưng	29	27	27
7	Trường THCS Quới Điền	30	29	29
8	Trường THCS Hòa Lợi	32	32	32
9	Trường THCS Mỹ Hưng	28	24	24
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ	21	21	20
III	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC KHÁC	6	5	6
	TỔNG CỘNG (I + II + III)	264	251	251

Phụ lục III
PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC TRONG
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2026 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 235/2026/NĐ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP giao năm 2025	Chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hiện có mặt	Chỉ tiêu hợp đồng thực hiện công việc theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP giao năm 2026
I	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	15	9	28
1	Trường Mầm non Quới Điền	2	0	4
2	Trường Mẫu giáo Hòa Lợi	2	2	4
3	Trường Mầm non Mỹ Hưng	3	2	4
4	Trường Tiểu học Quới Điền	2	2	3
5	Trường Tiểu học Hòa Lợi	0	0	2
6	Trường Tiểu học Mỹ Hưng	1	0	3
7	Trường THCS Quới Điền	1	0	3
8	Trường THCS Hòa Lợi	2	2	2
9	Trường THCS Mỹ Hưng	1	1	3
10	Dự phòng	1	0	0
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ	0	0	01
	TỔNG CỘNG (I + II)	15	9	29

Phụ lục IV
PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HỖ TRỢ, PHỤC VỤ
TRONG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
QUỚI ĐIỀN NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động, hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP giao năm 2025	Chỉ tiêu hợp đồng lao động, hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hiện có mặt	Chỉ tiêu hợp đồng lao động, hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP giao năm 2026
I	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN	04	03	04

Số: 215 /BC-HĐND

Quới Điền, ngày 27 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết phân bổ chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Quới Điền.

Thực hiện Thông báo số 204/TB-HĐND, ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về nội dung, chương trình, thời gian và phân công chuẩn bị kỳ họp thứ tư (kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân xã khoá XIII, nhiệm kỳ 2026-2031.

Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân xã đã tiến hành thẩm tra nội dung Tờ trình 2699/TTr-UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền về việc thông qua dự thảo Nghị quyết Phân bổ chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

- Sự cần thiết ban hành: Thống nhất với sự cần thiết ban hành Nghị quyết về việc thông qua dự thảo Nghị quyết Phân bổ chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026 có cơ sở pháp lý để quản lý, sử dụng nguồn nhân lực trong bộ máy chính trị ở địa phương.

- Về thẩm quyền ban hành: Việc ban hành Nghị quyết là thuộc thẩm quyền của HĐND xã, được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban Văn hóa – Xã hội cơ bản thống nhất với số lượng tổng biên chế cán bộ, công chức được phân bổ nêu tại Điều 1, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, qua thẩm tra Ban nhận thấy vẫn còn một số nội dung cần trao đổi làm rõ, cụ thể:

- Đối với Tờ trình số 2699/TTr-UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND xã về việc thông qua dự thảo Nghị quyết Phân bổ chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026 cần làm rõ bổ sung phụ lục cụ thể số lượng biên chế được giao và số lượng biên chế hiện tại.

- Đối với phụ lục I của Nghị quyết số lượng biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của HĐND và UBND xã được tỉnh giao 39 biên chế nhưng theo thực tế và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 29 tháng 4 năm 2026 của HĐND xã ở xã là 46 biên chế, hiện tại là dôi dư là 07 biên chế. Từ đây đến cuối năm 2026, UBND xã có giải pháp, kế hoạch, lộ trình phù hợp cụ thể như thế nào xử lý các biên chế dôi dư.

- Đối với phụ lục II của Nghị quyết số lượng làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã quản lý được giao 251: trong đó đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 225, lĩnh vực y tế 20, lĩnh vực khác 6. Trong Nghị quyết số 29/NQ- HĐND, ngày 14/8/2025 được giao lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 237 biên chế, trong Nghị quyết số 15/NQ – HĐND, ngày 28 tháng 3 năm 2026 số lượng được giao lĩnh vực y tế là 21 biên chế. Đề nghị UBND là rõ số lượng biên chế dôi dư lĩnh vực giáo dục và đào tạo, lĩnh vực y tế cần có giải pháp, kế hoạch, lộ trình phù hợp cụ thể từ đây đến cuối năm 2026.

- Điều 2 khoản 1 Số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP, ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 29 hợp đồng. Đề nghị UBND cần làm rõ thêm các trường hợp trên có áp dụng hợp đồng cho bảo vệ, tạp vụ không nếu không có thì hiện tại các trường điều có hợp đồng bảo vệ, tạp vụ vậy chi trả lương khoản nào.

- Điều 2 khoản 2 cần bổ sung (*Phụ lục IV kèm theo*).

- Điều 3 khoản 1 Số lượng biên chế và hợp đồng lao động tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 9 năm 2026. Trường hợp số lượng nhân sự hiện có tại các cơ quan, đơn vị lớn hơn chỉ tiêu biên chế được giao tại Điều 1 Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân xã Quới Điền có trách nhiệm lập kế hoạch, triển khai lộ trình giải quyết số lượng dôi dư theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. *UBND cần nêu rõ đối với số lượng biên chế hiện có lớn hơn số được giao tại Điều 1 Nghị quyết này thì được tiếp tục duy trì, đồng thời khẩn trương sắp xếp đến thời gian nào kết thúc.*

- Điều 3. Tổ chức thực hiện thay đổi thành Điều khoản thi hành

3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

Cơ bản thống nhất với thể thức, kỹ thuật trình bày của dự thảo Nghị quyết, đảm bảo đúng với quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

4. Quan điểm của Ban về việc thông qua dự thảo Nghị quyết

- Thành viên Ban Văn hóa – Xã hội thống nhất đề nghị HĐND xã thông qua dự thảo Nghị quyết khi UBND xã trình đã tiếp thu, giải trình và chỉnh lý nội dung theo ý kiến thẩm tra của Ban thể hiện tại báo cáo này.

- Giao Ủy ban nhân dân xã tiếp tục rà soát, hướng dẫn các đơn vị cơ quan thực hiện đúng quy định, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện tại các đơn vị cơ quan sau khi điều chỉnh.

Trên đây là báo cáo thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết Phân bổ chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026. Ban Văn hóa – Xã hội trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TTHĐND, UBND xã;
- Thành viên Ban Văn hóa – Xã hội;
- VP HĐND và UBND xã;
- Các phòng ban liên quan;
- Lưu: VT.



Trần Thị Minh Trúc

Số: 2699 /TTr-UBND

Quới Điền, ngày 19 tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua dự thảo Nghị quyết quyết định biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước; hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Quới Điền.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/09/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 332/NQ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về số lượng cấp phó của phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/07/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc quyết định biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Vĩnh Long năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4851/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4852/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn

tỉnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã năm 2026;

Căn cứ Kết luận số 2615/KL-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền về việc họp Thành viên Ủy ban nhân dân xã cho ý kiến về phân bổ biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước; số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026.

Ủy ban nhân dân xã Quới Điền kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, thống nhất nội dung cụ thể như sau:

I. LÝ DO TRÌNH

Thực hiện các quy định của pháp luật và văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về việc xác định, phân bổ biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước; số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ và hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính xã.

Ủy ban nhân dân xã Quới Điền đã xây dựng dự thảo Nghị quyết và phương án phân bổ chi tiết trên cơ sở căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản giao chỉ tiêu của cấp trên, đảm bảo phù hợp với thực trạng tổ chức, bộ máy và tình hình thực tế tại địa phương. Việc ban hành Nghị quyết này là cơ sở pháp lý quan trọng để bố trí, sử dụng cán bộ, công chức và người làm việc đúng định mức, đúng quy định; quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

II. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết gồm 3 điều, cụ thể:

Điều 1. Phân bổ 290 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2026 cho các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Quới Điền và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã:

1. Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Quới Điền là 39 biên chế.

2. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền là 251 biên chế.

Điều 2. Phân bổ 33 chỉ tiêu hợp đồng lao động do Ủy ban nhân dân tỉnh

giao năm 2026 cho các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Quới Điền và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã:

1. Số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 29 hợp đồng.

2. Số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính là 04 hợp đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Sau khi được thông qua, Ủy ban nhân dân xã thực hiện các bước tiếp theo và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; đồng thời cập nhật, quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả biên chế, số lượng đã được phê duyệt.

III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ BAN HÀNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Đã rà soát, đối chiếu đầy đủ với các quy định của pháp luật và văn bản giao chỉ tiêu của cấp trên.

Đã lấy ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân xã qua Kết luận số 2615/KL-UBND ngày 14/8/2026 của UBND xã.

Đã hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và Phụ lục phân bổ chi tiết kèm theo.

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã Quới Điền xem xét, cho ý kiến và thông qua nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- LĐ VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.



Mai Hoàng Nhựt

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ QUỚI ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo)

Quới Điền, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ TƯ
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 332/NQ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về số lượng cấp phó của phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/07/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc quyết định biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Vĩnh Long năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4851/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4852/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã năm 2026;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền về việc thông qua Nghị quyết Phân bổ chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội của Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã Quới Điền tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ 290 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2026 cho các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền, cụ thể:

1. Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Quới Điền là 39 biên chế.

(Phụ lục I kèm theo).

2. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền là 251 biên chế.

(Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Phân bổ 33 chỉ tiêu hợp đồng lao động do Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2026 cho các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền, cụ thể:

1. Số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 29 hợp đồng.

(Phụ lục III kèm theo).

2. Số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính là 04 hợp đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Số lượng biên chế và hợp đồng lao động tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 9 năm 2026. Trường hợp số lượng nhân sự hiện có tại các cơ quan, đơn vị lớn hơn chỉ tiêu biên chế được giao tại Điều 1 Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân xã Quới Điền có trách nhiệm lập kế hoạch, triển khai lộ trình giải quyết số lượng dôi dư theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Ủy ban nhân dân xã Quới Điền có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quới Điền phối hợp Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Quới Điền giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ năm 2025 của xã Quới Điền; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về quyết định điều chỉnh, bổ sung số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 và Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về điều chỉnh biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về việc điều chỉnh số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ tại Điều 2 Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Quới Điền khóa XIII, kỳ họp thứ tư (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư Pháp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đại biểu HĐND xã;
- UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban Đảng, Văn phòng ĐU xã;
- Kho bạc Nhà nước khu vực;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Cẩm

Phụ lục I
PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức năm 2026
I	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ	03
1	Lãnh đạo Hội đồng nhân dân xã	1
2	Ban Kinh tế - Ngân sách	1
3	Ban Văn hóa - Xã hội	1
II	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ	36
1	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân	3
2	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	9
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	9
4	Phòng Kinh tế	9
5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	6
	TỔNG CỘNG (I + II)	39

Phụ lục II

**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN
SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN năm 2026
I	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	225
1	Trường Mầm non Quới Điền	23
2	Trường Mẫu giáo Hòa Lợi	13
3	Trường Mầm non Mỹ Hưng	17
4	Trường Tiểu học Quới Điền	31
5	Trường Tiểu học Hòa Lợi	30
6	Trường Tiểu học Mỹ Hưng	27
7	Trường THCS Quới Điền	28
8	Trường THCS Hòa Lợi	32
9	Trường THCS Mỹ Hưng	24
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ	20
III	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC KHÁC	6
	TỔNG CỘNG (I + II + III)	251

Phụ lục 3

**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG CHUYÊN MÔN,
NGHIỆP VỤ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 235/2026/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN
DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP năm 2026
I	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	28
1	Trường Mầm non Quới Điền	4
2	Trường Mẫu giáo Hòa Lợi	4
3	Trường Mầm non Mỹ Hưng	4
4	Trường Tiểu học Quới Điền	3
5	Trường Tiểu học Hòa Lợi	2
6	Trường Tiểu học Mỹ Hưng	3
7	Trường THCS Quới Điền	3
8	Trường THCS Hòa Lợi	2
9	Trường THCS Mỹ Hưng	3
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ	01
	TỔNG CỘNG (I + II)	29

Số:11376/UBND-NC

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 8 năm 2026

V/v triển khai Nghị quyết số
36/NQ-HĐND ngày 15/7/2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Vĩnh Long năm 2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ số lượng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (gọi tắt là biên chế cán bộ, công chức, viên chức) được cấp có thẩm quyền giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức, viên chức cho các phòng, ban, chi cục và tương đương, các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (gọi tắt là đơn vị nhóm 3), đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (gọi tắt là đơn vị nhóm 4) thuộc, trực thuộc trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao và gửi báo cáo kết quả giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức về Sở Nội vụ trước ngày 31/8/2026 để tổng hợp, theo dõi.

2. Giao thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (các đơn vị nhóm 3, nhóm 4) căn cứ số lượng biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao, quyết định cụ thể biên chế viên chức cho các phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc trong phạm vi biên chế viên chức được giao và gửi báo cáo kết quả giao biên chế viên chức về Sở Nội vụ trước ngày 31/8/2026 để tổng hợp, theo dõi.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (gọi tắt là đơn vị nhóm 1), đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên (gọi tắt là đơn vị nhóm 2) thực hiện quy trình phê duyệt biên chế viên chức theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, gửi Sở Nội vụ trước ngày 31/8/2026 để theo dõi.

3. Giao Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ tổng số biên chế cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền giao trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức cho chính quyền địa phương cấp xã (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã); biên chế viên chức cho các đơn vị nhóm 3, nhóm 4 thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, gửi báo cáo kết quả giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức về Sở Nội vụ trước ngày 31/8/2026 để tổng hợp, theo dõi.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị nhóm 1, nhóm 2 thực hiện quy trình phê duyệt biên chế viên chức theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ trước ngày 31/8/2026 để theo dõi.

4. Giao Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện dự toán, điều chỉnh dự toán, thanh quyết toán kinh phí đúng theo quy định.

5. Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định hiện hành; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương có số cán bộ, công chức, viên chức có mặt lớn hơn số biên chế được giao năm 2026, khẩn trương xây dựng kế hoạch, giải pháp, lộ trình phù hợp, khả thi nhằm từng bước sắp xếp, điều chỉnh để đến hết năm 2026 phải đưa về đúng tổng số biên chế được giao theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long và biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện tốt Công văn này./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng Nội chính;
- Lưu: VT, 63.NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Trí Quang

Số: 2615 /KL-UBND

Quới Điền, ngày 14 tháng 8 năm 2026

**KẾT LUẬN
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
Tại Hội nghị ngày 12 tháng 8 năm 2026**

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2026, Ủy ban nhân dân xã tổ chức Hội nghị Thành viên Ủy ban nhân dân xã tháng 8/2026 (đợt xuất). Qua xem xét nội dung Tờ trình số 277/TTr-PVHXH, ngày 12/7/2026 của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội về việc xem xét cho ý kiến về nội dung trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã thông qua dự thảo Nghị quyết quyết định biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước; hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026. Ủy ban nhân dân xã kết luận như sau:

Thông nhất thông qua nội dung dự thảo Nghị quyết quyết định biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước; hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026 (kèm các phụ lục) mà Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu (kèm theo Tờ trình số 277/TTr-PVHXH, ngày 12/7/2026 của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội).

Giao Phòng Văn hóa - Xã hội thực hiện các quy trình theo đúng quy định pháp luật.

Trên đây là Thông báo kết luận của Ủy ban nhân dân xã về việc xem xét cho ý kiến về nội dung dự thảo Nghị quyết quyết định biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hợp đồng lao động thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền năm 2026. Đề nghị phòng Văn hóa - Xã hội thực hiện tốt kết luận này. Đồng thời báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân xã theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND xã (báo cáo);
- Thành viên UBND xã;
- Phòng VHXH xã;
- Lưu VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mai Hoàng Nhựt

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Vĩnh Long năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Thực hiện Quy định số 183-QĐ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Thực hiện Quyết định số 185-QĐ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị về biên chế các ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương; cơ quan Mặt trận Tổ quốc, cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương và các tỉnh, thành phố năm 2026;

Thực hiện Quyết định số 307-QĐ/BTCTW ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Vĩnh Long năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 795/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về việc quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Vĩnh Long năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định tổng biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 57.184 biên chế, cụ thể như sau:

1. Tổng số biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã là 6.986 biên chế, cụ thể:

a) Tổng số biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh là 1.928 biên chế.

b) Tổng số biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã là 5.058 biên chế.

(Phụ lục I kèm theo)

2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế viên chức) là 50.198 biên chế.

(Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và báo cáo kết quả thực hiện đến Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, giải pháp, lộ trình phù hợp, khả thi nhằm từng bước thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, sắp xếp, điều chỉnh để đến hết năm 2026 phải đưa về đúng số biên chế được Bộ Chính trị giao và theo Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Số biên chế tại Điều 1 Nghị quyết này được thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2026. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương có số lượng biên chế hiện có lớn hơn số được giao tại Điều 1 Nghị quyết này thì được tiếp tục duy trì, đồng thời khẩn trương sắp xếp đến cuối năm 2026 phải đúng số biên chế được giao.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. / *ml*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Bộ Nội vụ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị sự nghiệp;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng

Phụ lục I
SƠ LƯỢNG BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG CÁC
CƠ QUAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP
THị xã CẤP KÃ CỦA TỈNH VĨNH LONG NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức giao đến ngày 31/12/2026
(1)	(2)	(3)
	TỔNG CỘNG	6.986
I	CẤP TỈNH	1.928
1	Biên chế do Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý	65
	Đại biểu Quốc hội (chuyên trách)	3
	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (chuyên trách)	21
	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	41
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	130
3	Sở Nội vụ	112
4	Sở Tài chính	166
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	101
6	Sở Y tế	116
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	80

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức giao đến ngày 31/12/2026
8	Sở Khoa học và Công nghệ	83
9	Sở Tư pháp	50
10	Sở Công Thương	176
11	Sở Xây dựng	174
12	Sở Nông nghiệp và Môi trường	329
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	41
14	Thanh tra tỉnh	255
15	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	50
II	CẤP XÃ	5.058
1	Xã Giao Long	44
2	Xã Phú Túc	50
3	Xã Tiên Thủy	40
4	Xã Phú Phụng	43
5	Xã Tân Phú	41
6	Phường Tân Ngãi	39
7	Xã Long Hồ	50
8	Xã Phú Quới	50

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức giao đến ngày 31/12/2026
9	Xã An Bình	49
10	Xã Tân An	40
11	Xã Càng Long	45
12	Xã Cầu Kè	41
13	Xã Bình Phú	43
14	Xã Nhị Long	41
15	Xã Cái Nhum	43
16	Xã Bình Phước	38
17	Xã Nhơn Phú	41
18	Xã Tân Long Hội	37
19	Xã Phong Thạnh	45
20	Xã An Phú Tân	37
21	Xã Tam Ngãi	44
22	Xã Tân Hòa	44
23	Xã Hùng Hòa	38
24	Xã Chợ Lách	46
25	Xã Vĩnh Thành	45

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức giao đến ngày 31/12/2026
26	Xã Hưng Khánh Trung	37
27	Xã Phước Mỹ Trung	42
28	Xã Tân Thành Bình	47
29	Phường Long Châu	48
30	Phường Phước Hậu	49
31	Phường Thanh Đức	41
32	Phường Tân Hạnh	40
33	Phường Long Đức	41
34	Phường Trà Vinh	46
35	Phường Nguyệt Hóa	42
36	Phường Hòa Thuận	37
37	Xã An Trường	46
38	Phường Phú Khương	47
39	Phường An Hội	50
40	Phường Bến Tre	42
41	Phường Sơn Đông	41
42	Phường Phú Tân	38

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức giao đến ngày 31/12/2026
43	Xã Trung Thành	41
44	Xã Trung Ngãi	37
45	Xã Quới An	38
46	Xã Trung Hiệp	41
47	Xã Tiểu Cần	41
48	Xã Tập Ngãi	40
49	Xã Mỹ Long	36
50	Xã Vinh Kim	39
51	Xã Cầu Ngang	38
52	Xã Nhuận Phú Tân	43
53	Xã Đồng Khởi	41
54	Xã Mỏ Cày	49
55	Xã Thành Thới	41
56	Xã An Định	42
57	Xã Hiếu Phụng	38
58	Xã Hiếu Thành	41
59	Xã Quới Thiện	37

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức giao đến ngày 31/12/2026
60	Xã Ngãi Tứ	48
61	Xã Nhị Trường	43
62	Xã Hiệp Mỹ	39
63	Xã Lưu Nghiệp Anh	38
64	Xã Đại An	35
65	Xã Hàm Giang	39
66	Xã Hương Mỹ	43
67	Xã Đại Điền	42
68	Xã Quới Điền	39
69	Xã Thạnh Phú	45
70	Xã An Qui	38
71	Xã Tam Bình	40
72	Xã Song Phú	49
73	Xã Cái Ngang	42
74	Xã Hòa Hiệp	39
75	Xã Trà Cú	39
76	Xã Long Hiệp	40

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức giao đến ngày 31/12/2026
77	Xã Tập Sơn	44
78	Phường Duyên Hải	36
79	Xã Thạnh Hải	33
80	Xã Thạnh Phong	34
81	Xã Tân Thủy	46
82	Xã Bảo Thạnh	36
83	Xã Ba Tri	50
84	Xã Tân Xuân	42
85	Xã Trà Ôn	42
86	Phường Bình Minh	41
87	Phường Cái Vồn	41
88	Phường Đông Thành	45
89	Xã Long Vĩnh	32
90	Xã Đôn Châu	40
91	Xã Ngũ Lạc	40
92	Xã Song Lộc	45
93	Xã Phước Long	37

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức giao đến ngày 31/12/2026
94	Xã Lương Phú	36
95	Xã Châu Hòa	38
96	Xã Lương Hòa	36
97	Xã Thới Thuận	34
98	Xã Thanh Phước	34
99	Xã Lục Sĩ Thành	35
100	Xã Trà Côn	47
101	Xã Vĩnh Xuân	45
102	Xã Hòa Bình	44
103	Phường Trường Long Hòa	32
104	Xã Long Hữu	32
105	Xã Long Thành	32
106	Xã Đông Hải	32
107	Xã Mỹ Chánh Hòa	38
108	Xã An Ngãi Trung	38
109	Xã An Hiệp	39
110	Xã Hưng Nhượng	42

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức giao đến ngày 31/12/2026
111	Xã Giồng Trôm	42
112	Xã Tân Hào	39
113	Xã Mỹ Thuận	38
114	Xã Tân Lược	43
115	Xã Tân Quới	49
116	Xã Châu Thành	49
117	Xã Hưng Mỹ	44
118	Xã Hòa Minh	32
119	Xã Long Hòa	32
120	Xã Bình Đại	40
121	Xã Thạnh Trị	38
122	Xã Lộc Thuận	38
123	Xã Châu Hưng	35
124	Xã Phú Thuận	32

Phụ lục II



**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP XÃ; CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP TỈNH NĂM 2026**

*(Bảng kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến ngày 31/12/2026
(1)	(2)	(3)
	TỔNG CỘNG	50.198
A	CẤP TỈNH	11.898
I	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH	410
1	Trường Cao đẳng Vĩnh Long	113
2	Trường Cao đẳng Bến Tre	161
3	Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh	32
4	Đại học Trà Vinh (Trường Thực hành Sư phạm)	104
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC SỞ, NGÀNH TỈNH	11.488
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	64
2	Sở Nội vụ	130
3	Sở Tài chính	37
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.933

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến ngày 31/12/2026
5	Sở Y tế	3.144
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	441
7	Sở Khoa học và Công nghệ	119
8	Sở Tư pháp	51
9	Sở Công Thương	66
10	Sở Xây dựng	71
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	432
B	CẤP XÃ	38.300
1	Xã Giao Long	349
2	Xã Phú Túc	555
3	Xã Tiên Thủy	214
4	Xã Phú Phụng	281
5	Xã Tân Phú	240
6	Phường Tân Ngãi	275
7	Xã Long Hồ	506
8	Xã Phú Quới	498

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến ngày 31/12/2026
9	Xã An Bình	429
10	Xã Tân An	376
11	Xã Càng Long	408
12	Xã Cầu Kè	413
13	Xã Bình Phú	394
14	Xã Nhị Long	306
15	Xã Cái Nhum	388
16	Xã Bình Phước	282
17	Xã Nhơn Phú	311
18	Xã Tân Long Hội	274
19	Xã Phong Thạnh	372
20	Xã An Phú Tân	216
21	Xã Tam Ngãi	264
22	Xã Tân Hòa	343
23	Xã Hùng Hòa	258
24	Xã Chợ Lách	353

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến ngày 31/12/2026
25	Xã Vĩnh Thành	325
26	Xã Hưng Khánh Trung	257
27	Xã Phước Mỹ Trung	400
28	Xã Tân Thành Bình	375
29	Phường Long Châu	545
30	Phường Phước Hậu	415
31	Phường Thanh Đức	270
32	Phường Tân Hạnh	248
33	Phường Long Đức	247
34	Phường Trà Vinh	546
35	Phường Nguyệt Hóa	305
36	Phường Hòa Thuận	176
37	Xã An Trường	414
38	Phường Phú Khương	323
39	Phường An Hội	534
40	Phường Bến Tre	282

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến ngày 31/12/2026
41	Phường Sơn Đông	264
42	Phường Phú Tân	241
43	Xã Trung Thành	405
44	Xã Trung Ngãi	186
45	Xã Quới An	293
46	Xã Trung Hiệp	246
47	Xã Tiểu Cần	378
48	Xã Tập Ngãi	290
49	Xã Mỹ Long	251
50	Xã Vĩnh Kim	275
51	Xã Cầu Ngang	326
52	Xã Nhuận Phú Tân	332
53	Xã Đồng Khởi	272
54	Xã Mỏ Cày	483
55	Xã Thành Thới	349
56	Xã An Định	311

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến ngày 31/12/2026
57	Xã Hiếu Phụng	252
58	Xã Hiếu Thành	279
59	Xã Quới Thiện	209
60	Xã Ngãi Tứ	347
61	Xã Nhị Trường	365
62	Xã Hiệp Mỹ	298
63	Xã Lưu Nghiệp Anh	259
64	Xã Đại An	238
65	Xã Hàm Giang	273
66	Xã Hương Mỹ	280
67	Xã Đại Điền	330
68	Xã Quới Điền	251
69	Xã Thạnh Phú	351
70	Xã An Qui	260
71	Xã Tam Bình	308
72	Xã Song Phú	360

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến ngày 31/12/2026
73	Xã Cái Ngang	353
74	Xã Hòa Hiệp	260
75	Xã Trà Cú	295
76	Xã Long Hiệp	346
77	Xã Tập Sơn	355
78	Phường Duyên Hải	237
79	Xã Thạnh Hải	177
80	Xã Thạnh Phong	217
81	Xã Tân Thủy	335
82	Xã Bảo Thạnh	206
83	Xã Ba Tri	496
84	Xã Tân Xuân	306
85	Xã Trà Ôn	413
86	Phường Bình Minh	272
87	Phường Cái Vồn	383
88	Phường Đông Thành	373

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến ngày 31/12/2026
89	Xã Long Vĩnh	142
90	Xã Đôn Châu	287
91	Xã Ngũ Lạc	324
92	Xã Song Lộc	359
93	Xã Phước Long	243
94	Xã Lương Phú	237
95	Xã Châu Hòa	286
96	Xã Lương Hòa	162
97	Xã Thới Thuận	201
98	Xã Thạnh Phước	187
99	Xã Lục Sĩ Thành	206
100	Xã Trà Côn	418
101	Xã Vĩnh Xuân	517
102	Xã Hòa Bình	369
103	Phường Trường Long Hòa	211
104	Xã Long Hữu	167

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến ngày 31/12/2026
105	Xã Long Thành	157
106	Xã Đông Hải	128
107	Xã Mỹ Chánh Hòa	282
108	Xã An Ngãi Trung	285
109	Xã An Hiệp	267
110	Xã Hưng Nhượng	293
111	Xã Giồng Trôm	284
112	Xã Tân Hào	278
113	Xã Mỹ Thuận	241
114	Xã Tân Lược	432
115	Xã Tân Quới	456
116	Xã Châu Thành	529
117	Xã Hưng Mỹ	311
118	Xã Hòa Minh	133
119	Xã Long Hòa	132
120	Xã Bình Đại	320

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến ngày 31/12/2026
121	Xã Thạnh Trị	260
122	Xã Lộc Thuận	237
123	Xã Châu Hưng	259
124	Xã Phú Thuận	147

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kết luận số 1286-TB/TU ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân bổ biên chế cán bộ, công chức, viên chức; số lượng người làm việc trong tổ chức hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1552/TTr-SNV ngày 25 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao **3.432 số lượng** hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã năm 2026, cụ thể:

1. Giao **674 số lượng** hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Giao **2.758 số lượng** hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

(Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ được nêu tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định giao số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ cụ thể cho các đơn

vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý trong phạm vi chỉ tiêu được giao tại Điều 1 Quyết định này.

3. Việc hợp đồng lao động thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban TCTU;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Phòng Nội chính;
- Lưu: VT, 63.NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Trí Quang

PHỤ LỤC
GIAO SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 235/2026/NĐ-CP NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 4851/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ năm 2026		
		Tổng cộng	Trong đó	
			Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Lĩnh vực sự nghiệp y tế
-1	-2	-3	-4	-5
	TỔNG CỘNG	3.432	3.279	153
I	CẤP TỈNH	674	651	23
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	651	651	
2	Sở Y tế	23		23
II	CẤP XÃ	2.758	2.628	130
1	Xã Giao Long	38	36	2
2	Xã Phú Túc	49	47	2
3	Xã Tiên Thủy	22	21	1
4	Xã Phú Phụng	23	22	1
5	Xã Tân Phú	24	23	1
6	Phường Tân Ngãi	16	15	1
7	Xã Long Hồ	29	27	2
8	Xã Phú Quới	29	27	2
9	Xã An Bình	24	22	2
10	Xã Tân An	21	21	0
11	Xã Càng Long	23	22	1
12	Xã Cầu Kè	24	23	1
13	Xã Bình Phú	22	21	1
14	Xã Nhị Long	17	16	1
15	Xã Cái Nhum	22	21	1
16	Xã Bình Phước	16	15	1
17	Xã Nhơn Phú	17	16	1
18	Xã Tân Long Hội	15	14	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ năm 2026		
		Tổng cộng	Trong đó	
			Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Lĩnh vực sự nghiệp y tế
19	Xã Phong Thạnh	21	20	1
20	Xã An Phú Tân	11	11	0
21	Xã Tam Ngãi	15	14	1
22	Xã Tân Hòa	19	18	1
23	Xã Hùng Hòa	14	13	1
24	Xã Chợ Lách	31	29	2
25	Xã Vĩnh Thành	33	32	1
26	Xã Hưng Khánh Trung	20	18	2
27	Xã Phước Mỹ Trung	36	33	3
28	Xã Tân Thành Bình	32	30	2
29	Phường Long Châu	31	30	1
30	Phường Phước Hậu	24	23	1
31	Phường Thanh Đức	15	14	1
32	Phường Tân Hạnh	14	13	1
33	Phường Long Đức	13	12	1
34	Phường Trà Vinh	31	30	1
35	Phường Nguyệt Hóa	17	16	1
36	Phường Hòa Thuận	9	8	1
37	Xã An Trường	24	23	1
38	Phường Phú Khương	34	32	2
39	Phường An Hội	50	47	3
40	Phường Bến Tre	28	26	2
41	Phường Sơn Đông	43	41	2
42	Phường Phú Tân	16	15	1
43	Xã Trung Thành	23	22	1
44	Xã Trung Ngãi	10	9	1
45	Xã Quới An	16	15	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ năm 2026		
		Tổng cộng	Trong đó	
			Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Lĩnh vực sự nghiệp y tế
46	Xã Trung Hiệp	14	13	1
47	Xã Tiểu Cần	22	21	1
48	Xã Tập Ngãi	17	16	1
49	Xã Mỹ Long	14	13	1
50	Xã Vinh Kim	16	15	1
51	Xã Cầu Ngang	18	17	1
52	Xã Nhuận Phú Tân	29	27	2
53	Xã Đồng Khởi	18	17	1
54	Xã Mô Cày	36	34	2
55	Xã Thành Thới	25	24	1
56	Xã An Định	23	22	1
57	Xã Hiếu Phụng	14	13	1
58	Xã Hiếu Thành	16	15	1
59	Xã Quới Thiện	12	11	1
60	Xã Ngãi Tứ	19	18	1
61	Xã Nhị Trường	21	20	1
62	Xã Hiệp Mỹ	17	16	1
63	Xã Lưu Nghiệp Anh	15	14	1
64	Xã Đại An	13	12	1
65	Xã Hàm Giang	15	14	1
66	Xã Hương Mỹ	23	22	1
67	Xã Đại Điền	43	42	1
68	Xã Quới Điền	29	28	1
69	Xã Thạnh Phú	44	43	1
70	Xã An Qui	31	30	1
71	Xã Tam Bình	17	16	1
72	Xã Song Phú	20	19	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ năm 2026		
		Tổng cộng	Trong đó	
			Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Lĩnh vực sự nghiệp y tế
73	Xã Cái Ngang	20	19	1
74	Xã Hòa Hiệp	14	13	1
75	Xã Trà Cú	17	16	1
76	Xã Long Hiệp	20	19	1
77	Xã Tập Sơn	20	19	1
78	Phường Duyên Hải	12	12	0
79	Xã Thạnh Hải	24	23	1
80	Xã Thạnh Phong	26	25	1
81	Xã Tân Thủy	39	38	1
82	Xã Bảo Thạnh	21	20	1
83	Xã Ba Tri	49	46	3
84	Xã Tân Xuân	29	28	1
85	Xã Trà Ôn	23	22	1
86	Phường Bình Minh	15	14	1
87	Phường Cái Vồn	22	21	1
88	Phường Đông Thành	21	20	1
89	Xã Long Vĩnh	7	7	0
90	Xã Đôn Châu	16	16	0
91	Xã Ngũ Lạc	18	18	0
92	Xã Song Lộc	20	19	1
93	Xã Phước Long	23	22	1
94	Xã Lương Phú	25	24	1
95	Xã Châu Hòa	32	31	1
96	Xã Lương Hòa	20	20	0
97	Xã Thới Thuận	20	19	1
98	Xã Thạnh Phước	22	21	1
99	Xã Lục Sĩ Thành	11	10	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ năm 2026		
		Tổng cộng	Trong đó	
			Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Lĩnh vực sự nghiệp y tế
100	Xã Trà Côn	24	23	1
101	Xã Vĩnh Xuân	30	29	1
102	Xã Hòa Bình	21	20	1
103	Phường Trường Long Hòa	11	11	0
104	Xã Long Hữu	8	8	0
105	Xã Long Thành	8	8	0
106	Xã Đông Hải	6	6	0
107	Xã Mỹ Chánh Hòa	19	18	1
108	Xã An Ngãi Trung	41	40	1
109	Xã An Hiệp	27	26	1
110	Xã Hưng Nhượng	27	26	1
111	Xã Giồng Trôm	25	24	1
112	Xã Tân Hào	30	29	1
113	Xã Mỹ Thuận	13	12	1
114	Xã Tân Lược	25	24	1
115	Xã Tân Quới	26	25	1
116	Xã Châu Thành	30	29	1
117	Xã Hưng Mỹ	17	16	1
118	Xã Hòa Minh	6	6	0
119	Xã Long Hòa	6	6	0
120	Xã Bình Đại	26	25	1
121	Xã Thạnh Trị	24	23	1
122	Xã Lộc Thuận	23	22	1
123	Xã Châu Hưng	30	29	1
124	Xã Phú Thuận	27	26	1

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước
trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Vĩnh Long năm 2026.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1552/TTr-SNV ngày 25 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao 50.198 số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (gọi tắt là biên chế viên chức) trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

1. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (biên chế viên chức) trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh là 11.898 biên chế.

2. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (biên chế viên chức) trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là 38.300 biên chế.

(Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Số biên chế viên chức tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2026. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương có số lượng biên chế viên chức hiện có lớn hơn số được giao tại Điều 1 Quyết định này thì được tiếp tục duy trì; đồng thời, khẩn trương sắp xếp đến cuối năm 2026 phải đúng số biên chế được giao.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân các xã, phường quyết định giao cụ thể biên chế viên chức cho các đơn vị sự

nghiệp công lập thuộc, trực thuộc trong phạm vi biên chế được giao tại Điều 1 Quyết định này và báo cáo về Sở Nội vụ trước ngày 31/8/2026 để tổng hợp.

3. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

4. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương đúng theo quy định hiện hành.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện dự toán, điều chỉnh dự toán kinh phí theo biên chế viên chức tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành và tương đương cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Ban TCTU;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN khu vực XIX;
- Phòng Nội chính;
- Lưu: VT, 63.NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
ĐẾN 31/12/2026

(Kèm theo Quyết định số 4852/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến 31/12/2026 (theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND)			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND	Biên chế sự nghiệp y tế	Biên chế sự nghiệp khác
-1	-2	-3	-4	-5	-6
	TỔNG CỘNG	50.198	41.812	6.201	2.185
A	CẤP TỈNH	11.898	7.343	3.144	1.411
I	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH	410	410	0	0
1	Trường Cao đẳng Vĩnh Long	113	113	0	0
2	Trường Cao đẳng Bến Tre	161	161	0	0
3	Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh	32	32	0	0
4	Đại học Trà Vinh (Trường Thực hành Sư phạm)	104	104	0	0
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC SỞ, NGÀNH TỈNH	11.488	6.933	3.144	1.411
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	64	0	0	64
2	Sở Nội vụ	130	0	0	130
3	Sở Tài chính	37	0	0	37
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.933	6.933	0	0
5	Sở Y tế	3.144	0	3.144	0
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	441	0	0	441
7	Sở Khoa học và Công nghệ	119	0	0	119
8	Sở Tư pháp	51	0	0	51
9	Sở Công Thương	66	0	0	66
10	Sở Xây dựng	71	0	0	71

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến 31/12/2026 (theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND)			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND	Biên chế sự nghiệp y tế	Biên chế sự nghiệp khác
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	432	0	0	432
B	CẤP XÃ	38.300	34.469	3.057	774
1	Xã Giao Long	349	309	34	6
2	Xã Phú Túc	555	513	36	6
3	Xã Tiên Thủy	214	190	18	6
4	Xã Phú Phụng	281	249	25	7
5	Xã Tân Phú	240	213	21	6
6	Phường Tân Ngãi	275	251	18	6
7	Xã Long Hồ	506	460	40	6
8	Xã Phú Quới	498	452	40	6
9	Xã An Bình	429	381	42	6
10	Xã Tân An	376	353	17	6
11	Xã Càng Long	408	381	21	6
12	Xã Cầu Kè	413	388	19	6
13	Xã Bình Phú	394	364	24	6
14	Xã Nhị Long	306	280	20	6
15	Xã Cái Nhum	388	355	23	10
16	Xã Bình Phước	282	254	22	6
17	Xã Nhơn Phú	311	282	23	6
18	Xã Tân Long Hội	274	245	22	7
19	Xã Phong Thạnh	372	346	20	6
20	Xã An Phú Tân	216	193	17	6

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến 31/12/2026 (theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND)			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND	Biên chế sự nghiệp y tế	Biên chế sự nghiệp khác
21	Xã Tam Ngãi	264	239	19	6
22	Xã Tân Hòa	343	311	26	6
23	Xã Hùng Hòa	258	227	25	6
24	Xã Chợ Lách	353	320	26	7
25	Xã Vĩnh Thành	325	295	24	6
26	Xã Hưng Khánh Trung	257	231	20	6
27	Xã Phước Mỹ Trung	400	335	59	6
28	Xã Tân Thành Bình	375	326	43	6
29	Phường Long Châu	545	510	28	7
30	Phường Phước Hậu	415	385	23	7
31	Phường Thanh Đức	270	244	19	7
32	Phường Tân Hạnh	248	221	21	6
33	Phường Long Đức	247	214	26	7
34	Phường Trà Vinh	546	510	29	7
35	Phường Nguyệt Hóa	305	272	27	6
36	Phường Hòa Thuận	176	145	25	6
37	Xã An Trường	414	383	25	6
38	Phường Phú Khương	323	274	42	7
39	Phường An Hội	534	474	53	7
40	Phường Bến Tre	282	239	37	6
41	Phường Sơn Đông	264	223	34	7
42	Phường Phú Tân	241	200	34	7

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến 31/12/2026 (theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND)			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND	Biên chế sự nghiệp y tế	Biên chế sự nghiệp khác
43	Xã Trung Thành	405	377	22	6
44	Xã Trung Ngãi	186	158	22	6
45	Xã Quới An	293	265	22	6
46	Xã Trung Hiệp	246	217	23	6
47	Xã Tiểu Cần	378	352	20	6
48	Xã Tập Ngãi	290	266	18	6
49	Xã Mỹ Long	251	224	21	6
50	Xã Vinh Kim	275	250	19	6
51	Xã Cầu Ngang	326	298	22	6
52	Xã Nhuận Phú Tân	332	283	43	6
53	Xã Đồng Khởi	272	233	33	6
54	Xã Mỏ Cày	483	432	45	6
55	Xã Thành Thới	349	312	31	6
56	Xã An Định	311	273	32	6
57	Xã Hiếu Phụng	252	227	19	6
58	Xã Hiếu Thành	279	251	22	6
59	Xã Quới Thiện	209	185	18	6
60	Xã Ngãi Tứ	347	311	29	7
61	Xã Nhị Trường	365	336	23	6
62	Xã Hiệp Mỹ	298	269	23	6
63	Xã Lưu Nghiệp Anh	259	235	18	6
64	Xã Đại An	238	214	18	6

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến 31/12/2026 (theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND)			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND	Biên chế sự nghiệp y tế	Biên chế sự nghiệp khác
65	Xã Hàm Giang	273	249	18	6
66	Xã Hương Mỹ	280	244	30	6
67	Xã Đại Điền	330	301	23	6
68	Xã Quới Điền	251	225	20	6
69	Xã Thạnh Phú	351	321	24	6
70	Xã An Qui	260	235	19	6
71	Xã Tam Bình	308	274	27	7
72	Xã Song Phú	360	322	31	7
73	Xã Cái Ngang	353	316	31	6
74	Xã Hòa Hiệp	260	228	26	6
75	Xã Trà Cú	295	271	18	6
76	Xã Long Hiệp	346	321	19	6
77	Xã Tập Sơn	355	330	19	6
78	Phường Duyên Hải	237	214	16	7
79	Xã Thạnh Hải	177	151	20	6
80	Xã Thạnh Phong	217	191	20	6
81	Xã Tân Thủy	335	301	28	6
82	Xã Bảo Thạnh	206	175	25	6
83	Xã Ba Tri	496	445	45	6
84	Xã Tân Xuân	306	271	29	6
85	Xã Trà Ôn	413	380	27	6
86	Phường Bình Minh	272	240	24	8

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến 31/12/2026 (theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND)			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND	Biên chế sự nghiệp y tế	Biên chế sự nghiệp khác
87	Phường Cái Vồn	383	351	24	8
88	Phường Đông Thành	373	337	28	8
89	Xã Long Vĩnh	142	128	8	6
90	Xã Đôn Châu	287	266	15	6
91	Xã Ngũ Lạc	324	304	14	6
92	Xã Song Lộc	359	327	26	6
93	Xã Phước Long	243	212	25	6
94	Xã Lương Phú	237	208	23	6
95	Xã Châu Hòa	286	258	22	6
96	Xã Lương Hòa	162	142	14	6
97	Xã Thới Thuận	201	177	18	6
98	Xã Thạnh Phước	187	163	18	6
99	Xã Lục Sĩ Thành	206	182	18	6
100	Xã Trà Côn	418	382	30	6
101	Xã Vĩnh Xuân	517	481	30	6
102	Xã Hòa Bình	369	339	24	6
103	Phường Trường Long Hòa	211	189	15	7
104	Xã Long Hữu	167	146	15	6
105	Xã Long Thành	157	140	11	6
106	Xã Đông Hải	128	113	9	6
107	Xã Mỹ Chánh Hòa	282	247	29	6
108	Xã An Ngãi Trung	285	250	29	6

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao đến 31/12/2026 (theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND)			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND	Biên chế sự nghiệp y tế	Biên chế sự nghiệp khác
109	Xã An Hiệp	267	231	30	6
110	Xã Hưng Nhượng	293	261	26	6
111	Xã Giồng Trôm	284	256	22	6
112	Xã Tân Hào	278	249	23	6
113	Xã Mỹ Thuận	241	212	22	7
114	Xã Tân Lược	432	402	23	7
115	Xã Tân Quới	456	421	28	7
116	Xã Châu Thành	529	494	29	6
117	Xã Hưng Mỹ	311	278	27	6
118	Xã Hòa Minh	133	112	15	6
119	Xã Long Hòa	132	115	11	6
120	Xã Bình Đại	320	289	25	6
121	Xã Thạnh Trị	260	233	21	6
122	Xã Lộc Thuận	237	210	21	6
123	Xã Châu Hưng	259	231	22	6
124	Xã Phú Thuận	147	123	18	6
III	DỰ PHÒNG				

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kết luận số 1286-TB/TU ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân bổ biên chế cán bộ, công chức, viên chức; số lượng người làm việc trong tổ chức hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1552/TTr-SNV ngày 25 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao 2.307 số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

1. Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc các sở, ngành và tương đương cấp tỉnh là: **2.098 biên chế** (từ 01/01/2026), **2.084 biên chế** (từ 01/3/2026).

2. Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là: **17 biên chế** (từ 01/01/2026), **31 biên chế** (từ 01/3/2026).

3. Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp dự phòng là **192 biên chế**.

(Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định giao cụ thể số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc

trong phạm vi số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được giao tại Điều 1 Quyết định này và báo cáo về Sở Nội vụ trước ngày 31/8/2026 để tổng hợp.

2. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành và tương đương cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP TU, Ban TCTU;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN khu vực XIX;
- Phòng Nội chính;
- Lưu: VT, 63.NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Trí Quang

PHỤ LỤC
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 4853 /QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2026	
		Thực hiện từ 01/01/2026	Thực hiện từ 01/3/2026
-1	-2	-3	-4
	TỔNG CỘNG	2.307	2.307
I	CẤP TỈNH	2.098	2.084
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	26	26
2	Sở Nội vụ	0	0
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	185	185
4	Sở Y tế	1.663	1.649
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2	2
6	Sở Khoa học và Công nghệ	28	28
7	Sở Công Thương	3	3
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	93	93
9	Trường Cao đẳng Bến Tre	15	15
10	Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh	83	83
II	CẤP XÃ	17	31
1	Xã Tân Hòa	0	1
2	Xã Hùng Hòa	0	2
3	Phường Phú Khương	2	2
4	Phường An Hội	8	8
5	Phường Bến Tre	2	2
6	Phường Phú Tân	5	5
7	Xã Tiểu Cần	0	7
8	Xã Tập Ngãi	0	2
9	Xã Vinh Kim	0	1
10	Xã Cầu Ngang	0	1
III	DỰ PHÒNG	192	192

PHỤ LỤC
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 4853 /QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2026	
		Thực hiện từ 01/01/2026	Thực hiện từ 01/3/2026
-1	-2	-3	-4
	TỔNG CỘNG	2.307	2.307
I	CẤP TỈNH	2.098	2.084
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	26	26
2	Sở Nội vụ	0	0
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	185	185
4	Sở Y tế	1.663	1.649
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2	2
6	Sở Khoa học và Công nghệ	28	28
7	Sở Công Thương	3	3
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	93	93
9	Trường Cao đẳng Bến Tre	15	15
10	Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh	83	83
II	CẤP XÃ	17	31
1	Xã Tân Hòa	0	1
2	Xã Hùng Hòa	0	2
3	Phường Phú Khương	2	2
4	Phường An Hội	8	8
5	Phường Bến Tre	2	2
6	Phường Phú Tân	5	5
7	Xã Tiểu Cần	0	7
8	Xã Tập Ngãi	0	2
9	Xã Vinh Kim	0	1
10	Xã Cầu Ngang	0	1
III	DỰ PHÒNG	192	192

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kết luận số 1286-TB/TU ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân bổ biên chế cán bộ, công chức, viên chức; số lượng người làm việc trong tổ chức hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1552/TTr-SNV ngày 25 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao **1.907 số lượng** hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã năm 2026, cụ thể:

1. Giao **760 số lượng** hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Giao **555 số lượng** hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ dự phòng là **592 hợp đồng**.

(Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ được nêu tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định giao số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ cụ thể cho các tổ chức, các đơn vị sự nghiệp thuộc, trực thuộc (nếu có) trong phạm vi chỉ tiêu được giao tại Điều 1 Quyết định này.

3. Việc hợp đồng lao động thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban TCTU;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Phòng Nội chính;
- Lưu: VT, 63.NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

PHỤ LỤC
GIAO SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HỖ TRỢ, PHỤC VỤ TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số4854/QĐ-UBND ngày 05/ 8 /2026 của UBND tỉnh)

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4854/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-08-05T11:00:55+07:00

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
	TỔNG CỘNG	1.380	527	5	39	
I	CẤP TỈNH	292	468	5	12	
1	Sở Tài chính	18	0			
2	Sở Xây dựng	38	6			
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	53	14			
4	Sở Khoa học và Công nghệ	18	1			
5	Sở Nội vụ	16	48			
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	7	36			
7	Sở Y tế	16	229			

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
8	Thanh tra tỉnh	12				
9	Văn phòng UBND tỉnh	41	18			
10	Sở Tư pháp	9	1			
11	Sở Công Thương	16	1			
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	114		21	
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	8		5		
14	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Vĩnh Long	7			-7	
15	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	24				
16	Trung tâm Sinh hoạt Thanh thiếu nhi thuộc Tỉnh đoàn	0	0		-2	
II	CẤP XÃ	496	59	0	27	
1	UBND phường Long Châu	4				
2	UBND phường Phước Hậu	4	1		1	
3	UBND phường Thanh Đức	4	3		3	

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
4	UBND phường Tân Hạnh	4				
5	UBND phường Tân Ngãi	4				
6	UBND xã Long Hồ	4				
7	UBND xã Phú Quới	4				
8	UBND xã An Bình	4				
9	UBND xã Cái Nhum	4				
10	UBND xã Bình Phước	4				
11	UBND xã Nhơn Phú	4				
12	UBND xã Tân Long Hội	4				
13	UBND xã Trung Thành	4				
14	UBND xã Trung Ngãi	4				
15	UBND xã Quới An	4				
16	UBND xã Trung Hiệp	4	1		1	
17	UBND xã Hiếu Phụng	4				
18	UBND xã Hiếu Thành	4				

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
19	UBND xã Quới Thiện	4				
20	UBND xã Ngải Tứ	4				
21	UBND xã Tam Bình	4				
22	UBND xã Song Phú	4				
23	UBND xã Cái Ngang	4				
24	UBND xã Hòa Hiệp	4				
25	UBND xã Lục Sỹ Thành	4				
26	UBND xã Trà Côn	4				
27	UBND xã Vĩnh Xuân	4				
28	UBND xã Hòa Bình	4				
29	UBND xã Trà Ôn	4	1		1	
30	UBND phường Bình Minh	4				
31	UBND phường Cái Vồn	4				
32	UBND phường Đông Thành	4				
33	UBND xã Mỹ Thuận	4				

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
34	UBND xã Tân Lược	4				
35	UBND xã Tân Quới	4				
36	UBND phường Long Đức	4				
37	UBND phường Trà Vinh	4	1			
38	UBND phường Nguyệt Hóa	4				
39	UBND phường Hòa Thuận	4	1			
40	UBND xã An Trường	4	1		1	
41	UBND xã Tân An	4	4			
42	UBND xã Càng Long	4				
43	UBND xã Nhị Long	4				
44	UBND xã Bình Phú	4				
45	UBND xã Cầu Kè	4	8		2	
46	UBND xã Phong Thạnh	4				
47	UBND xã An Phú Tân	4				
48	UBND xã Tam Ngãi	4	4		4	

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
49	UBND xã Tân Hòa	4				
50	UBND xã Hùng Hòa	4				
51	UBND xã Tiểu Cần	4	1			
52	UBND xã Tập Ngãi	4				
53	UBND xã Mỹ Long	4				
54	UBND xã Vinh Kim	4				
55	UBND xã Cầu Ngang	4	7			
56	UBND xã Nhị Trường	4				
57	UBND xã Hiệp Mỹ	4				
58	UBND xã Lưu Nghiệp Anh	4				
59	UBND xã Đại An	4				
60	UBND xã Hàm Giang	4				
61	UBND xã Trà Cú	4				
62	UBND xã Long Hiệp	4				
63	UBND xã Tập Sơn	4				

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
64	UBND phường Duyên Hải	4				
65	UBND phường Trường Long Hòa	4				
66	UBND xã Long Hữu	4				
67	UBND xã Long Thành	4				
68	UBND xã Đông Hải	4				
69	UBND xã Long Vĩnh	4				
70	UBND xã Đôn Châu	4				
71	UBND xã Ngũ Lạc	4	6			
72	UBND xã Song Lộc	4				
73	UBND xã Châu Thành	4	6			
74	UBND xã Hưng Mỹ	4				
75	UBND xã Hòa Minh	4				
76	UBND xã Long Hòa	4				
77	UBND phường An Hội	4				
78	UBND phường Phú Khương	4				

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
79	UBND phường Bến Tre	4				
80	UBND xã Phú Túc	4	1		1	
81	UBND xã Tiên Thủy	4	1		1	
82	UBND xã Tân Phú	4				
83	UBND xã Chợ Lách	4				
84	UBND xã Phước Mỹ Trung	4				
85	UBND xã Tân Thành Bình	4				
86	UBND xã Nhuận Phú Tân	4				
87	UBND xã Đồng Khởi	4				
88	UBND xã Mỏ Cày	4				
89	UBND xã Thành Thới	4				
90	UBND xã Quới Điền	4				
91	UBND xã Thạnh Phú	4				
92	UBND xã An Qui	4				
93	UBND xã Mỹ Chánh Hòa	4				

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
94	UBND xã Hưng Nhượng	4	1		1	
95	UBND xã Giồng Trôm	4	1		1	
96	UBND xã Lương Hòa	4				
97	UBND xã Thạnh Trị	4				
98	UBND xã Phú Thuận	4	3		3	
99	UBND xã Thạnh Phước	4				
100	UBND xã Châu Hưng	4	1		1	
101	UBND xã Lộc Thuận	4				
102	UBND xã Ba Tri	4				
103	UBND xã An Ngãi Trung	4				
104	UBND phường Sơn Đông	4				
105	UBND xã Phước Long	4				
106	UBND xã Đại Điền	4	1		1	
107	UBND phường Phú Tân	4	1		1	
108	UBND xã Vĩnh Thành	4				

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
109	UBND xã Giao Long	4				
110	UBND xã Thanh Phong	4				
111	UBND xã Phú Phụng	4				
112	UBND xã Thanh Hải	4				
113	UBND xã Tân Xuân	4	2		2	
114	UBND xã Tân Thủy	4				
115	UBND xã Hương Mỹ	4				
116	UBND xã Bảo Thạnh	4				
117	UBND xã An Hiệp	4				
118	UBND xã An Định	4	1		1	
119	UBND xã Hưng Khánh Trung	4				
120	UBND xã Tân Hào	4				
121	UBND xã Lương Phú	4	1		1	
122	UBND xã Châu Hòa	4				
123	UBND xã Thới Thuận	4				

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số lượng hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ năm 2026		Tăng, giảm so với năm 2025		Ghi chú
		Trong cơ quan, tổ chức hành chính (theo ND số 111/2022/ND-CP)	Trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức (theo ND số 235/2026/ND-CP)	Trong cơ quan, tổ chức hành chính	Trong đơn vị sự nghiệp công lập	
124	UBND xã Bình Đại	4				
III	DỰ PHÒNG	592		-5	-39	